TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **398**/2019/QĐST-HNGĐ	***Sóc Sơn, ngày 25 tháng 12 năm 2019***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 620/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh ***Nguyễn Văn H***, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện S, TP Hà Nội

Bị đơn: Chị ***Nguyễn Thị H,*** sinh năm 1986

HKTT: Thôn L, xã N, huyện S, TP Hà Nội

Địa chỉ: Thôn Th, xã N, huyện S, TP Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:*

- Chị ***Nguyễn Thị H***, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm 10b, thôn L, xã N, huyện S, TP Hà Nội

- Anh ***Nguyễn Thế H***, sinh năm 1991
- Chị ***Nguyễn Thị H***, sinh năm 1988
- Bà ***Vũ Thị Đ***, sinh năm 1962

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện S, TP Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về con chung***: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 31/8/2006 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 31/12/2009. Ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận anh H tiếp tục nuôi cả 02 con chung, chị H cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung cùng anh H mức 500.000đ/tháng/01 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Chị H được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức đóng gópđất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các bên thống nhất thỏa thuận anh Nguyễn Văn H trả chị Nguyễn Thị H số tiền 15.000.000đ, chị Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000đ, bà Vũ Thị Đ số tiền 18.000.000đ, anh Nguyễn Thế H số tiền 15.000.000đ chậm nhất là đến hết tháng 02/2020.

Trường hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả và số tiền chưa thi hành án.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi đương sự phải nộp ½ = 75.000đ để sung quỹ Nhà nước, chị H phải nộp 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, anh H phải nộp 1.700.000đ án phí dân sự sơ thẩm, hai bên thỏa thuận để anh H chịu cả. Được trừ vào số tiền 300.000đ anh H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0018290 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền 1.700.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Lê Việt Hùng